

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 474/2025/DS-ST
Ngày: 25-12-2025
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Trần Thị Đổi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Đông Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 401/2025/TLST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 438/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 15/TB-TA ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (N)

Trụ sở chính: Số B L, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H – Chủ tịch HĐQT N;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Hữu C – Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 950/2024/UQ-CTHĐQT ngày 08/4/2024).

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Trần Trường G - Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ liên hệ: 1 H, phường L, tỉnh Tây Ninh (Theo Giấy ủy quyền số 1278/2024/UQ-BĐH.NCB ngày 01/10/2024).

Bị đơn:

1. Ông Đoàn Kim T, sinh năm 1962;

2. Bà Lê Thị D, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào Quốc Đ, sinh năm 1979;
2. Bà Thái Thị Kim L, sinh năm 1985;
Cùng địa chỉ: ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh.
3. Bà Lý Lê Phương Trà Trúc D1, sinh năm 1994;
4. Ông Trần Minh S, sinh năm 1991;
Cùng địa chỉ: ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh.

(Ông G, ông T, bà D có mặt; ông Đ, bà L, bà D1, ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q do ông Trần Trường G là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D có ký kết hợp đồng tín dụng để vay tiền của Ngân hàng TMCP Q cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 917/21/HĐCV-9378 và Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/917/21/HĐCV-9378 cùng ngày 16/12/2021. Số tiền vay: 1.580.000.000 đồng; Thời hạn vay: 108 tháng; Mục đích vay: hoàn tiền mua bất động sản; Lãi suất kỳ đầu tiên: Lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên đến ngày 16/3/2022 là 11,5%/tháng, lãi suất kỳ tiếp theo áp dụng đối với các khoản vay của khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng /lần theo công thức LSV bằng lãi suất cơ sở cộng 3,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, hai bên đã ký kết với nhau các biện pháp bảo đảm như sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 917/21/HĐTC-9378 và số 918/21/HĐTC-9378 cùng ngày 16/12/2021 được công chứng tại Văn phòng C1, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1130, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 497817, số vào sổ cấp GCN: CH 00911 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/8/2014; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1131, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BU 497816, số vào sổ cấp GCN: CH 00912 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 25/8/2014; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1294, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 178224, số vào sổ cấp GCN: CH 08286 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 21/11/2019; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1295, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CT 178225, số vào sổ cấp GCN: CH 08287 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 21/11/2019 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và

phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho N.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D đã thanh toán cho NCB số tiền lãi tổng cộng là 182.529.715 đồng, chưa trả được khoản tiền gốc nào, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với N, mặc dù NCB nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng ông T, bà D vẫn không trả nợ cho N làm cho quyền lợi của N bị xâm phạm.

Nay NCB khởi kiện yêu cầu:

- Buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D phải trả ngay một lần cho N tổng số nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng hai bên ký kết tính đến ngày 25/12/2025 là: 2.490.478.815 đồng, trong đó nợ gốc là 1.580.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.074.395 đồng, lãi quá hạn là 896.054.795 đồng, lãi chậm trả lãi là 3.349.625 đồng.

- Buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/12/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông T, bà D và N.

- Trường hợp ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 917/21/HĐTC-9378 và số 918/21/HĐTC-9378 cùng ngày 16/12/2021 được công chứng tại Văn phòng C1 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền phát mãi từ tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q, ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Bị đơn ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D trình bày.

Ông T và bà D thống nhất với toàn bộ lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Giữa ông bà và Ngân hàng thương mại cổ phần Q có ký kết các hợp đồng tín dụng đúng như N trình bày. Ông bà thống nhất và đồng ý trả toàn bộ khoản nợ theo yêu cầu của N, tuy nhiên do kinh tế khó khăn ông đề nghị N cho ông bà thời gian 03 tháng chậm nhất đến ngày 25/3/2026 để bán đất trả nợ cho N.

Ngoài ra khoảng hơn mười năm trước ông T và bà D có chuyển nhượng cho ông Đào Quốc Đ, bà Thái Thị Kim L một phần đất để ông Đ, bà L cất nhà sinh sống. Do không đủ điều kiện tách thửa nên đến nay ông bà vẫn chưa tách thửa phần đất này cho ông Đ, bà L. Việc ông bà thế chấp tài sản cho N trong đó có phần diện tích đất chuyển nhượng cho ông Đ bà L thì ông Đ bà L có biết sự việc và không có ý kiến gì. Việc chuyển nhượng giữa ông bà với ông Đ bà L sẽ tự thỏa thuận giải quyết, không có tranh chấp trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Quốc Đ, bà Thái Thị Kim L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Lê Phương Trà Trúc D1, ông Trần Minh S vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, kết quả hòa giải không được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn xác định không cung cấp chứng cứ, tài liệu mới, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến trình bày, không tranh luận.

Bị đơn ông T, bà D tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông bà thời gian 03 tháng để ông bà bán đất trả nợ cho N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng được ký kết giữa N và ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D vào ngày 16/12/2021. Buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D có nghĩa vụ liên đới trả một lần cho N tổng số tiền 2.490.478.815 đồng, trong đó nợ gốc là 1.580.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.074.395 đồng, lãi quá hạn là 896.054.795 đồng, lãi chậm trả lãi là 3.349.625 đồng. Buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng hai bên ký kết, kể từ ngày 26/12/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho N. Trường hợp ông T, bà D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì NCB được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho NCB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D có nghĩa vụ trả cho N số tiền nợ gốc và lãi vay tính đến ngày 25/12/2025 là 2.490.478.815 đồng theo Hợp đồng tín dụng hai bên ký kết. Bị đơn ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D cư trú tại xã M, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Quốc Đ, bà Thái Thị Kim L, bà Lý Lê Phương T1

Trúc Diệp, ông Trần Minh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn NCB khởi kiện yêu cầu buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D có nghĩa vụ trả cho N số tiền nợ gốc và lãi vay tính đến ngày 25/12/2025 là 2.490.478.815 đồng theo hợp đồng hai bên ký kết, tiếp tục tính lãi từ ngày 26/12/2025 cho đến khi ông T, bà D trả xong nợ cho N, không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q yêu cầu trả tiền gốc và lãi vay theo Hợp đồng tín dụng số 917/21/HĐCV-9378 ký ngày 16/12/2021 giữa Ngân hàng N và ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D, thấy rằng:

[2.1.1] Hợp đồng tín dụng số 917/21/HĐCV-9378 ký ngày 16/12/2021 giữa Ngân hàng N và ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định về nội dung và hình thức, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực, các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

[2.1.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T bà D đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, liên tục không trả nợ lãi trong nhiều kỳ. Mặc dù N đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T bà D vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ, làm cho quyền lợi của N bị xâm phạm.

[2.1.3] Tại phiên tòa, ông T bà D đồng ý trả nợ theo yêu cầu của N nhưng đề nghị NCB cho thời gian 03 tháng chậm nhất đến ngày 25/3/2026 sẽ bán đất trả nợ cho N, tuy nhiên yêu cầu này của ông T bà D không được người đại diện của N đồng ý. Do đó, yêu cầu khởi kiện của N về việc buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D trả nợ gốc, lãi là có căn cứ chấp nhận, phù hợp theo quy định tại Điều 463 và 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.4] Lãi suất được tiếp tục tính kể từ ngày 26/12/2025 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T bà D thanh toán xong khoản nợ cho N.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp 917/21/HĐTC-9378 và số 918/21/HĐTC-9378 được ký cùng ngày 16/12/2021 giữa bên thế chấp là ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D và bên nhận thế chấp là N, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp được ký kết hoàn toàn tự nguyện, trong hợp đồng đã nêu rõ tài sản thế chấp đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay đối với N. Do đó, có căn cứ xác định, hợp đồng thế

chấp phát sinh hiệu lực đối với các bên, phù hợp quy định tại các Điều 299, 303, 307 của Bộ luật Dân sự nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với bà Lý Lê Phương T1 Trúc Diệp, ông Trần Minh S, ông Đào Quốc Đ, bà Thái Thị Kim L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, tuy nhiên vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án. Trường hợp có phát sinh tranh chấp với ông T bà D sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. N đã nộp và chi xong. Do đó, buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D phải hoàn trả cho NCB số tiền 5.000.000 đồng này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, ông Đoàn Kim T thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, 301, 303, 307, 463, 466, 468 299 ; Điều 91, 95 ; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D.

1.1. Buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCQ Quốc Dân số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/12/2025 là 2.490.478.815 đồng (hai tỷ bốn trăm chín mươi triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm mười lăm đồng), trong đó nợ gốc là 1.580.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.074.395 đồng, lãi quá hạn là 896.054.795 đồng, lãi chậm trả lãi là 3.349.625 đồng.

1.2. Buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 26/12/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông T, bà D và N.

1.3. Trường hợp ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 917/21/HĐTC-9378 và số 918/21/HĐTC-9378 cùng ngày 16/12/2021 được công chứng tại Văn phòng C1 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền phát mãi từ tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q, ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. N đã nộp và chi xong. Do đó, buộc ông Đoàn Kim T, bà Lê Thị D phải hoàn trả cho NCB số tiền 5.000.000 đồng này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Lê Thị D phải chịu 40.904.788 đồng sung vào ngân sách Nhà nước, ông Đoàn Kim T thuộc trường hợp được miễn án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.216.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006353 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-Tây Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 3 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thắm